TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. TH **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 663 /2018/QĐST-HNGĐ	*TH, ngày 30 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án ly hôn thụ lý số số 795/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ X, phường T, thành phố TQ, tỉnh TQ .

- Bị đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ Y, phường P, thành phố TH, tỉnh TH .

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bích N và anh Lê Minh T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Bích N và anh Lê Minh T nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị N và anh T xác định có 02 con chung, con lớn là Lê Trâm A, sinh ngày 22/8/2012; con nhỏ là Lê Minh U sinh ngày 29/9/2014. Sau khi ly hôn các đương sự thỏa thuận chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trâm A, sinh ngày 22/8/2012; anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh U, sinh ngày 29/9/2014, cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị N và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh T thống nhất thỏa thuận không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị N nhận nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, hoàn trả chị N 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu số 0006955 ngày 02/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- UBND phường P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Thị Thanh Trúc